TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 257/2022/DS-ST
Ngày: 23/9/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Minh

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Ngô Thị Thắm, là Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 403/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 268/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ng Ch L - Sinh năm: 1985;

Địa chỉ: ấp B, xã H M, huyện C N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà H T M - Sinh năm: 1966;

Địa chỉ: số 2, đường L V L, khóm 1, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 25/7/2022 và tại phiên tòa bà Ng Ch L trình bày*:**

Ngày 19/4/2021 dương lịch bà M vay của bà 30.000.000 đồng, có biên nhận, thỏa thuận thời hạn vay: 05 tháng, lãi suất 2%/tháng bằng 600.000 đồng/tháng. Từ khi vay cho đến nay bà M chưa trả được bất cứ khoản vốn, lãi nào. Tính đến ngày 29/5/2022, bà M còn nợ 30.000.000 đồng nợ gốc và 9.000.000 đồng tiền lãi (15 tháng x 2%/tháng x 30.000.000 đồng).

Ngày 29/4/2022 dương lịch bà M vay của bà 80.000.000 đồng, có Tờ cam kết do bà M viết và ký tên, lãi suất 2%/tháng, thỏa thuận thời hạn vay: 01 tháng. Từ khi vay cho đến nay bà M chưa trả được bất cứ khoản vốn, lãi nào. Tính đến

ngày 29/5/2022, bà M còn nợ 80.000.000 đồng nợ gốc và 3.200.000 đồng tiền lãi (02 tháng x 2%/tháng x 80.000.000 đồng)

Tổng cộng 02 khoản vay bà M còn nợ 110.000.000 đồng nợ gốc và lãi là 12.200.000 đồng.

Đối với bà H T M: Đã được niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thông báo cho bà M đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; được triệu tập đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng bà M vẫn không có mặt tại Tòa án theo Thông báo, Giấy triệu tập của Tòa án, cũng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ng Ch L. Tuy nhiên, quá trình Tòa án thụ lý trước đây (đã được đình chỉ). Bà H T M trình bày thừa nhận ngày 19/4/2021 dương lịch bà có vay của bà Ly 30.000.000 đồng, có biên nhận do bà viết và ký tên. Trong biên nhận ghi lãi suất thỏa thuận nhưng thực tế lãi suất bà phải đóng là 30%/tháng, 10 ngày đóng lãi 01 lần là 3.000.000 đồng. Bà đã trả lãi nhiều lần, có lúc đúng hạn, có lúc không đúng hạn, đến ngày 23/02/2022 chốt nợ trên tin nhắn Zalo bà còn nợ bà Ly 48.400.000 đồng tiền lãi, đến đầu tháng 3/2022 bà đã chuyển trả 10.000.000 đồng còn lại 38.400.000 đồng. Đối với khoản vay này, tính đến tháng 01/2022 bà đã đóng 81.000.000 đồng tiền lãi, chưa trả tiền vốn 30.000.000 đồng. Ngoài ra ngày 26/3/2021 dương lịch bà có vay của bà Ly 10.000.000 đồng, không biên nhận, chỉ thể hiện bằng tin nhắn. Lãi suất thỏa thuận 30%/tháng. Bà đã đóng lãi từ 26/4/2021 đến tháng 01/2022 là 30.000.000 đồng tiền lãi, chưa trả 10.000.000 đồng nợ gốc. Khoản tiền 80.000.000 đồng thể hiện tại Tờ cam kết ngày 29/04/2022 là bao gồm tổng cộng 40.000.000 đồng nợ gốc và 40.000.000 đồng nợ lãi chứ thực tế bà không có vay 80.000.000 đồng theo tờ cam kết này. Bà Ly yêu cầu bà trả nợ gốc là 110.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 19/5/2022 là 9.400.000 đồng, tổng cộng là 119.400.000 đồng, bà không đồng ý. Bà đã đóng lãi vượt nợ gốc quá nhiều, bà yêu cầu điều chỉnh lãi suất theo mức lãi suất 1,66%/tháng bắt đầu từ ngày vay tiền, đối trừ số tiền đã đóng vào nợ gốc, nợ lãi, phần tiền bà đã đóng vượt nợ gốc, nợ lãi bà yêu cầu bà Ly phải trả lại cho bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt triệu tập hợp lệ để họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhiều lần nhưng bà H T M vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 110.000.000đ phát sinh từ giao dịch dân sự. Do đó tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao dịch tiền vay giữa bà Ng Ch L với bà H T M là có diễn ra trong thực tế mặc dù quá trình giải quyết vụ án bà M không có ý kiến phản hồi nhưng tại biên bản hòa giải Tòa thu thập hồ sơ đình chỉ trước đây do bà Ly đã kiện bà M vẫn thừa nhận nợ. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng chỉ vay tổng cộng 40.000.000đ cụ thể ngày 19/4/2021 số tiền 30.000.000 đồng có

viết biên nhận và ngày 26/3/2021 vay 10.000.000 đồng, không biên nhận nhưng không có tiền đóng lãi nên cộng dồn vốn và lãi số tiền là 110.000.000đ. Xét lời trình bày này của bà M là không có cơ sở chấp nhận: Bởi lẽ, hiện đại diện nguyên đơn chỉ thừa nhận cho bị đơn vay tiền lãi suất 2%/tháng và không thừa nhận số tiền số tiền 80.000.000đ là cộng dồn vốn lãi. Trong khi đó bản thân bà M không đến Tòa án và cũng hoàn toàn không đưa ra được bất cứ chứng cứ nào để chứng minh cho việc giao dịch vay tiền và cũng hoàn toàn không đưa ra được cơ sở nào để chứng minh cách tính lãi như thế nào để có số tiền vốn và lãi được số tiền là 110.000.000đ như nguyên đơn đã trình bày. Do đó chỉ có căn cứ chấp nhận lời trình bày của đại diện nguyên đơn xác định tiền vốn vay là 110.000.000đ.

[4] Về lãi suất: Hiện nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận giao dịch vay của các đương sự là có thỏa thuận về lãi. Tuy nhiên, nguyên đơn xác định lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng và quá trình giao dịch bị đơn chưa trả lãi, đối với bị đơn thì xác định lãi 30%/tháng hiện bị đơn cho rằng đã thanh toán lãi rất nhiều và 80.000.0000đ vay lần sau là tiền lãi nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh có việc thanh toán lãi nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét lại theo yêu cầu bị đơn. Tuy nhiên, tại phiên Tòa nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu lãi nên xét thấy tự nguyện nguyên đơn là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận toàn bộ

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã dự nộp án phí nên được hoàn lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ng Ch L. Buộc bà H T M có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ng Ch L khoản nợ tiền vốn là 110.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Ng Ch L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H T M không tự nguyện thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà H T M phải chịu 5.500.000 đồng (chưa nộp). Bà Ng Ch L không phải chịu án phí. Ngày 25/7/2022 bà Ng Ch L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.055.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành

phố Cà Mau (theo biên lai số 0001788) được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Ng Ch L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà H T M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Xuân Trúc

THÀNH VIÊN **THẨM PHÁN**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Xuân Trúc

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Xuân Trúc

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 08 giờ 05 phút ngày 23 tháng 9 năm 2022.

Tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trịnh Xuân Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Công Minh

Ông Nguyễn Thị Ngọc Điệp

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 403/2022/TLST- DS ngày 26 tháng 7 năm 2022, về việc tranh chấp hợp đồng vay, giữa:

Nguyên đơn: Bà Ng Ch L - Sinh năm: 1985; Địa chỉ: ấp Rau Dừa B, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn:* Bà H T M - Sinh năm: 1966; Địa chỉ: số 268, đường Lý Văn Lâm, khóm 1, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ các Điều 357, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ng Ch L. Buộc bà H T M có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ng Ch L khoản nợ tiền vốn là 110.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Ng Ch L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H T M không tự nguyện thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Huỳnh Thảm Mỹ phải chịu 5.500.000 đồng (chưa nộp). Bà Ng Ch L không phải chịu án phí. Ngày 25/7/2022 bà Ng Ch L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.055.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (theo biên lai số 0001788) được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Ng Ch L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà H T M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc cùng ngày, có đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**	**THẨM PHÁN** **CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
	Trịnh Xuân Trúc